TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Trường Phát**.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Xuân**.

2. Ông **Hồ Văn Tài**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Văn Tiến** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà **Hoàng Thị Thanh Tâm** - Kiểm sát viên

Vào ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp V, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn*: Anh **Trang T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp V, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Nguyễn Thị B và anh Trang T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: trên cơ sở tự nguyện chị và anh Trang T tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28 tháng 10 năm 2002. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai.

Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Trang T có tính hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường

xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục tồn tại nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trang T.

Về con chung: chị và anh Trang T có 02 con chung là cháu Trang Nguyễn Q, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2005 và Trang Nguyễn Ng, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2013. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Trang T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Trang T vắng mặt nên không có lời khai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân nhân dân huyện Xuân Lộc: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Nguyễn Thị B chấp hành các quy định của pháp luật, bị đơn anh Trang T không chấp hành các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Trang T; giao cháu Trang Nguyễn Q, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2005 và Trang Nguyễn Ng, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị B nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị Nguyễn Thị B không yêu cầu anh Trang T cấp dưỡng nuôi con nên không xét; tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trang T và yêu cầu nuôi dưỡng con chung; anh Trang T có nơi cư trú tại xã X, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Trang T nên chị Nguyễn Thị B là nguyên đơn, anh Trang T là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: anh Trang T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, chị Nguyễn Thị B có đơn xin giải quyết vắng mặt nên xét xử vắng mặt anh Trang T và chị Nguyễn Thị B tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị B và anh Trang T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Nguyễn Thị B cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh Trang T có tính hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Trang T nhiều lần nhưng anh Tranh Thanh Dũng vẫn không có mặt để làm việc và hòa giải hàn gắn tình cảm. Nên có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của chị Nguyễn Thị B và anh Trang T đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, cuộc sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Trang T là phù hợp.

[5] Về con chung: chị Nguyễn Thị B yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Trang Nguyễn Q, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2005 và Trang Nguyễn Ng, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2013. Xét thấy, chị Nguyễn Thị B có thu nhập ổn định, cháu Trang Nguyễn Ng còn nhỏ và cháu Trang Nguyễn Q có nguyện vọng được chung sống với chị Nguyễn Thị B. Quá trình giải quyết vụ án anh Trang T không có lời khai nêu ý kiến về việc nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy, nên giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời chị Nguyễn Thị B không yêu cầu anh Trang T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị B trình bày không có nên không xem xét giải giải quyết.

[8] Về án phí: chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Xét thấy, nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân gia và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Trang T.

- Về con chung: Giao cháu Trang Nguyễn Q, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2005 và cháu Trang Nguyễn Ng, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời chị Nguyễn Thị B không yêu cầu anh Trang T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Anh Trang T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, chị Nguyễn Thị B và anh Trang T được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 003106 ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, chị Nguyễn Thị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị B và anh Trang T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- UBND P. P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trần Trường Phát